TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 9 - 2023
V/v tranh chấp " hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HN ngày 24 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HN ngày 13 tháng 3 năm 2023 và các Thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bửu L, sinh năm 1982, nơi cư trú: số 176 , khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Wang S, sinh năm 1981, nơi cư trú: Khang Kiều L, Dân Q, khu Hà B, thành phố T, Trung Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bửu L trình bày:

Bà L và ông Wang S tự quen biết, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Trung Quốc năm 2014 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số J120000-2014-000081 ngày 18/3/2014, giấy xác nhận ghi chú kết hôn số 97/STP-XN ngày 24-9-2014 của Sở Tư pháp tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn ông Wang S và bà L sống cùng nhau 8 năm bắt đầu phát sinh mẫu do ông S có người phụ nữ khác không

chu cấp tiền nuôi dưỡng 2 con, tình cảm không còn.

Về con chung: có 2 con tên Wang Huy A, sinh ngày 24/6/2014; Wang Thủ N, sinh ngày 06/4/2017, cả 2 đang sống cùng cha, không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Wang S đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Tư pháp Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vẫn chưa có kết quả trả lời việc thực hiện ủy thác tư pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai. Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn, ông Wang S, quốc tịch Trung Quốc, cư trú tại Khang Kiều L, Dân Q, khu Hà B, thành phố T,Trung Quốc. Nguyên đơn cư trú tại phường V, thành phố C, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa..

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bửu L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, ông Wang S có địa chỉ tại Trung Quốc nhưng cơ quan có thẩm quyền của Bộ Tư pháp Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vẫn chưa có kết quả trả lời việc thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt hồ sơ trực tiếp (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh -Trung Quốc thông báo trên Cổng thông tin điện tử về việc thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 08-8-2023 đến nay đã quá thời hạn 01 tháng, Tòa án chưa nhận được ý kiến của ông Wang S về vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Bửu L và ông Wang S có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Trung Quốc năm 2014 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số J120000-2014-000081 ngày 18/3/2014, giấy xác nhận ghi

chú kết hôn số 97/STP-XN ngày 24-9-2014 của Sở Tư pháp tỉnh An Giang nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày nguyên nhân xin ly hôn là do phát sinh mẫu ông S có người phụ nữ khác không chu cấp tiền nuôi dưỡng 2 con, tình cảm không còn.

Bị đơn, ông Wang S có địa chỉ tại Trung Quốc nhưng cơ quan có thẩm quyền của Bộ Tư pháp Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vẫn chưa có kết quả trả lời việc thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt hồ sơ trực tiếp (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh -Trung Quốc thông báo trên Cổng thông tin điện tử về việc thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 08-8-2023 đến nay đã quá thời hạn 01 tháng, Tòa án chưa nhận được ý kiến của ông Wang S về vụ án

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung đã không còn trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận

[2.2] Về con chung: Bà L và ông Wang S có 2 con tên Wang Huy Am, sinh ngày 24/6/2014; Wang Thủ Nhân, sinh ngày 06/4/2017, cả 2 đang sống cùng cha, nguyên đơn trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[2.3] Về tài sản chung nợ chung,: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bửu L.

1. Bà Nguyễn Thị Bửu L được ly hôn với ông Wang S.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bửu L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000346 ngày 26-10-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Bửu L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp:

Bà Nguyễn Thị Bửu L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), lệ phí ủy thác tư pháp, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0068319 ngày 26-10-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà L đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp.

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bửu L là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông Wang S là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GĐ và NCTN;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Tố Giang